

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2024
V/v “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hanh;

2. Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Ước- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2023/TLST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** - Anh Trần Văn L, sinh năm 1970.

- Chị Nguyễn Thị D , sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Anh L có mặt, chị D vắng mặt).

NỘI D VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết anh có cho vợ chồng anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị D vay số tiền là 260.000.000 đồng. Khi vay vợ chồng anh L, chị D có

ký Giấy cam kết vay tiền nên ngày 23/5/2023 âm lịch (tức ngày 10/7/2023 dương lịch), thời hạn vay là một tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến thời hạn trả nợ thì vợ chồng anh L, chị D không thực hiện trả nợ, anh có yêu cầu nhiều lần nhưng anh L, chị D vẫn không thực hiện trả nợ. Nay anh T xác định vợ chồng anh L, chị D còn nợ anh số tiền gốc vay là 260.000.000đồng. Do vậy, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L, chị D phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền gốc đã vay là 260.000.000đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 10/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm xong. Số tiền anh T cho anh L, chị D vay là của riêng anh không liên quan gì đến vợ và gia đình anh. Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu gì khác.

Tại biên bản tự khai ngày 07/12/2023; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng. Do mối quan hệ quen biết nên trước ngày 23/5/2023 âm lịch vợ chồng anh nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Văn T. Việc có vay có trả nhiều lần, lãi suất theo thỏa thuận. Tính đến ngày 23/5/2023 vợ chồng anh còn nợ anh Thịnh 60.000.000đ tiền lãi của số tiền vay trước đó. Đến ngày 23/5/2023 âm lịch (tức ngày 10/7/2023 dương lịch) do cần tiền nên vợ chồng anh vay thêm của anh T 200.000.000đ tiền gốc và thống nhất cộng cả 60.000.000đ tiền lãi vợ chồng anh còn nợ trước đó và làm giấy vay của anh T số tiền 260.000.000đ. Chữ ký trong giấy cam kết vay tiền ngày 23/5/2023 âm lịch (tức ngày 10/7/2023 dương lịch) đúng là của vợ chồng anh ký tên. Theo giấy vay tiền thì thời hạn vay là 1 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Do điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn nên đến nay vợ chồng anh chưa trả được cho anh T. Anh L thừa nhận vợ chồng anh còn nợ anh T số tiền 260.000.000đ theo giấy cam kết vay tiền ngày 23/5/2023 âm lịch (tức ngày 10/7/2023 dương lịch). Vợ chồng anh sẽ cố gắng thu xếp trả dần cho anh T trong thời gian sớm nhất. Riêng tiền lãi chậm trả thì anh L không đồng ý với yêu cầu của anh Thịnh vì khi vay tiền giữa anh và anh T đã thống nhất không tính lãi. Nếu anh T không đồng ý cho vợ chồng anh trả dần tiền gốc thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngoài ra anh không còn ý kiến gì khác.

Tại biên bản tự lời khai ngày 07/12/2023. Bị đơn là chị Nguyễn Thị D xác nhận hoàn toàn nhất trí với quan điểm trình bày của anh Trần Văn L là chồng chị về thời gian vay và số tiền còn nợ anh T. Do vậy, chị D không trình bày gì thêm.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải nhiều lần nhưng chị D vắng mặt nên hai bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện; bị đơn anh L giữ quan điểm xin trả dần số tiền còn nợ là 260.000.000đ, về tiền lãi chậm trả anh L không đồng ý trả theo yêu cầu của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét, căn cứ Điều 463; khoản 4 Điều 466, Điều 468; Điều 470 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T.

2. Buộc anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Thịnh tổng số tiền gốc và lãi là 277.624.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 260.000.000đồng; tiền lãi chậm trả là 17.624.000 đồng).

3. Về án phí: Buộc anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 13.881.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Tòa án đã thực hiện tổng đạt, giao gửi quyết định của Hội đồng xét xử ra xét xử cho anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị D là bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nh-ng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/3/2024 anh Lương, chị D vắng mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị D nhưng chị D tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa nguyên đơn và bị đơn tranh chấp với nhau về khoản nợ xuất phát từ việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền chưa trả. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về Nội D:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền gốc thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là vợ chồng anh L, chị D trả số tiền gốc đã vay là 260.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy cam kết vay tiền đề ngày 23/5/2023 âm lịch (tức ngày 10/7/2023 dương lịch) do anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị D ký tên. Quá trình giải quyết vụ án anh L, chị D cũng thừa nhận đã vay và còn nợ nguyên đơn số tiền gốc vay là 260.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn là anh L, chị D đã vay và còn nợ anh Nguyễn Văn T tổng số tiền gốc là 260.000.000 đồng. Theo giấy cam kết vay tiền hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến hạn anh L, chị D không thực hiện trả nợ cho anh Thịnh. Mặc dù anh Thịnh nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay anh L, chị D vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là do lỗi của bị đơn. Do vậy, anh Thịnh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị D phải có trách nhiệm trả tiền gốc đã vay là có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh L trình bày: Trong tổng số tiền 260.000.000 đồng theo giấy vay tiền 10/7/2023 dương lịch có 60.000.000đ tiền lãi cộng vào. Tuy nhiên, ngoài lời khai bị đơn là anh L không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh về việc cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc vay, bản thân nguyên đơn là anh Thịnh cũng không thừa nhận nên lời trình bày của anh L, chị D là không có căn cứ.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng anh L, chị D trả số tiền lãi theo quy định từ ngày 11/8/2023 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 16/4/2024) thì thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền thì các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày. Do vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Đến hạn trả nợ là ngày 11/8/2023 phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên lỗi chậm trả nợ hoàn toàn thuộc về phía bị đơn. Do vậy, nguyên đơn

yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi chậm trả là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự có tính lãi chậm trả như sau:

Lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Vậy từ ngày 11/8/2023 (được xác định là ngày chậm trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/4/2024) là 08 tháng 05 ngày, Vậy số tiền lãi tương ứng là: (260.000.000đồng (tiền gốc chậm trả) x 0,83% x 08 tháng 05 ngày) = 17.624.000 đồng.

Do đó, vợ chồng anh L, chị D phải trả cho anh T tổng sẽ tính lãi chậm trả là 17.624.000 đồng.

[5]. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là anh L, chị D phải liên đới chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 463; khoản 4 Điều 466, Điều 468; Điều 470 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

2. Buộc anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Thịnh tổng số tiền gốc và lãi là 277.624.000 đồng (Trong đó tiền gốc là 260.000.000đồng; tiền lãi chậm trả là 17.624.000 đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới chịu 13.881.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.500.000 đồng theo biên lai số: 0000339 ngày 25/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hải